TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁPĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 313/2023/DS-PT
Ngày 10/7/2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 264/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2023/QĐ-PT ngày 20/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngô Thị N, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho chị Ngô Thị N theo ủy quyền: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Giấy ủy quyền ngày 08/8/2022).

2. *Bị đơn*:

2.1. Đào Chí T, sinh năm 1990

2.2. Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho anh Đào Chí Thành và chị Nguyễn Thị Thúy D theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú:

số A, đường số B, khóm H, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2022).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngô Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyễn Thị Thúy D, Đào Chí T.

(Chị T1 có mặt; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Ngô Thị N có người đại diện theo ủy quyền chị Ngô Thị H cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện, trình bày:***

Vào ngày 15/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 22/8/2020 dương lịch) anh Đào Chí Thành và vợ là chị Nguyễn Thị Thúy D có vay của chị ruột của chi H1 là chị N 100.000.000đ, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay, việc cho vay tiền có làm biên nhận, không thế chấp tài sản, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, mỗi tháng vợ chồng anh T đóng lãi cho chị N với số tiền là 1.200.000đ, việc đóng lãi không có làm giấy tờ, không có làm biên nhận, vợ chồng anh T đóng lãi được 07 tháng, mỗi tháng 4.000.000đ với số tiền 28.000.000đ.

Hết thời hạn 01 tháng chị N nhiều lần yêu cầu anh T, chị D trả số tiền gốc đã vay nhưng chị D, anh T không trả.

Nay chị N yêu cầu anh T và chị D liên đới trả tiền vay gốc còn nợ 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất vượt quá quy định của pháp luật của chị D, anh T thì chị H không đồng ý với yêu cầu của chị D, anh T, với số tiền 193.000.000đ. Chị thừa nhận nội dung đoạn ghi âm mà chị D, anh T cung cấp cho Tòa án, là cuộc nói chuyện giữa chị H và chị D. Trong đoạn ghi âm có câu "*Một trăm triệu mà cưng đưa, cưng góp, cưng đóng lời 9.000.000đ/1 tháng vậy chạy ra tiền có 03 lai, còn chị phải đi hỏi tiền bà Bích T2 05 lai*" là giọng nói của chị, ý của câu chị nói là chị D xin chị được trả dần số tiền đã nợ nhưng chị không đồng ý, chị không có lấy tiền lãi của chị D mỗi tháng 15.000.000đ hay 9.000.000đ như chị D đã trình bày.

**** Bị đơn anh Đào Chí Thành, chị Nguyễn Thị Thúy D do chị Nguyễn Thanh T1 đại diện, trình bày:***

Không nhớ ngày, tháng 04 năm 2020 thì anh T, chị D có vay của chị Ngô Thị H, ngụ tại ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp với số tiền gốc 100.000.000đ, việc vay tiền có làm biên nhận cho chị Ngô Thị N nhưng anh T, chị D không biết chị N là ai và không thế chấp tài sản, lãi suất thỏa thuận 15%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc, biên nhận vay tiền không đề ngày tháng năm cũng không đề thời gian vay bao lâu nhưng biên nhận chị H cung cấp cho Tòa án đề ngày 15/07 âm lịch thì anh T, chị D thống nhất theo

như ngày trong biên nhận là ngày 15/7/2020 âm lịch nhằm ngày 02/9/2020 dương lịch. Chị D, anh T thừa nhận biên nhận nợ mà chị H xuất trình cho Tòa án có chữ ký và chữ viết của chị D, anh T.

Hàng tháng vợ chồng anh T đóng lãi cho chị H với số tiền 15.000.000đ, đóng từ ngày 15/8/2020 âm lịch đến ngày 15/3/2021 âm lịch được 08 tháng với số tiền là 120.000.000đ thì không đóng lãi nữa, việc đóng lãi không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến.

Đến ngày 15/4/2021 do tình hình dịch bệnh anh T, chị D không buôn bán làm ăn được nên xin chị H bớt lãi xuống còn 9.000.0000đ/tháng nên vợ chồng anh T tiếp tục đóng lãi cho chị H từ ngày 15/4/2021 đến ngày 15/11/2021 được 07 tháng với số tiền là 63.000.000đ (9.000.000đ x 07 tháng = 63.000.000đ) thì không còn có khả năng đóng lãi nữa. Việc đóng lãi không có làm biên nhận, không ai chứng kiến.

Không nhớ ngày tháng 4 năm 2022 âm lịch chị H có đến nhà anh T, chị D đòi tiền và vợ chồng anh T đã đưa thêm cho chị H số tiền 10.000.000đ, việc đưa tiền thêm cho chị H không có làm giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến nhưng chị D có ghi âm bằng điện thoại và đã xuất trình cho Tòa án.

Nội dung đoạn ghi âm chị H lấy tiền lãi chị D là chị D trình bày "hồi trước chị thấy em đóng lãi cho chị một tháng 15.000.000đ sau này bớt xuống 9.000.000đ em cũng đóng, tới khi gần đẻ không còn khả năng nữa" và chị H không phủ nhận lời chị D đã nói, việc chị D nói "Lúc 05 lai em vẫn còn đóng được là chuyện bình thường" mà không nói là lúc 15.000.000đ hoặc 9.000.000đ em vẫn đóng bình thường là do tập quán tại địa phương tiếng lóng 5 lai được hiểu là 15%, 03 lai được hiểu là 9%. Và thời gian chị D đóng lãi, ngưng đóng lãi trùng khớp với thời gian chị D sinh con. Như vậy, từ khi vay tiền đến tháng 04 năm 2022 thì vợ chồng anh T đã đưa cho chị H tổng cộng 193.000.000đ. Lý do vợ chồng anh T, chị D trả dứt nợ cho chị H mà không lấy lại biên nhận nợ là do chỗ quen biết làm ăn nên tin tưởng.

Chị D, anh T không đồng ý với yêu cầu của chị N do chị H đại diện, do tiền anh T, chị D vay là của chị H. Đề nghị điều chỉnh lại lãi suất mà chị D, anh T đã đóng cho chị H với số tiền 193.000.000đ, chị H trực tiếp nhận từ anh T, chị D. Chị D, anh T thay đổi yêu cầu phản tố, không yêu cầu chị H trả lại 193.000.000đ mà chỉ yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất cho vay.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Ngô Thị N.

Buộc anh Đào Chí Thành, chị Nguyễn Thị Thúy D có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền vay còn nợ là 48.662.000đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Buộc anh Đào Chí T và chị Nguyễn Thị Thúy D chịu 2.433.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.825.000đ theo biên lai thu số 0004265 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Anh T, chị D được nhận lại 2.392.000đ.

2.2 Chị Ngô Thị N chịu 2.567.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.050.000đ theo biên lai thu số 0004038 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Chị N được nhận lại 483.000đ.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ngày 15/3/2023 chị D, anh T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

- Tại phiên tòa phúc thẩm chị T1 phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị D, anh T, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị D, anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét kháng cáo của chị D, anh T cho rằng đã trả vốn và lãi 193.000.000đ, yêu cầu điều chỉnh lãi suất nên không còn nợ chị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bên nguyên đơn chị H giao nộp cho Tòa án chứng cứ là biên nhận ngày 15/7/2020, có nội dung: "*...Nguyễn Thị Thúy D, Đào Chí T có mượn của bà Ngô Thị N số tiền 100.000.000đ"*.

Đại diện của bị đơn thừa nhận là anh T, chị D có ký tên vào biên nhận nợ với chị N nhưng tiền là do chị H đưa và thừa nhận có nhận số tiền 100.000.000đ.

Tuy nhiên anh T, chị D nại ra rằng đã trả lãi được 193.000.000đ, nên không còn nợ tiền chị H hoặc chị N nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh đã trả số tiền 193.000.000đ.

Đối với đại diện bị đơn thừa nhận anh T, chị D đóng lãi được 07 tháng. Đồng thời, tại đoạn ghi âm chị H đã thừa nhận chị D đã đóng lãi cho chị H với mức lãi 9.000.000đ/tháng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận anh T, chị D đóng lãi được 63.000.000đ là phù hợp.

Nhưng phải điều chỉnh lại lãi suất anh T, chị D phải đóng lãi cho chị N theo quy định là: 100.000.000đ x 7 tháng x 1,666% = 11.662.000đ.

Tiền lãi anh T, chị D đã đóng vượt quá quy định của pháp luật là 63.000.000đ – 11.662.000đ = 51.338.000đ. Số tiền chênh lệch được cấn trừ vào nợ gốc 100.000.000đ, nên anh T và chị D còn phải trả cho chị N 48.662.000đ là phù hợp.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của chị N, buộc anh T và chị D có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền vay còn nợ là 48.662.000đ là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T và chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh T, chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Đào Chí Thành và chị Nguyễn Thị Thúy D.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2023; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Ngô Thị N.

Buộc anh Đào Chí Thành và chị Nguyễn Thị Thúy D có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị N số tiền vay còn nợ là 48.662.000 đồng.

2. Về án phí:

- Anh Đào Chí T3 và chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 2.433.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 4.825.000đ theo biên lai thu số 0004265 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Anh T3, chị D được nhận lại 2.392.000 đồng.

- Anh Đào Chí T3 và chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0004300 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

- Chị Ngô Thị N phải chịu 2.567.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.050.000đ theo biên lai thu số 0004038 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Chị N được nhận lại 483.000 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thông